

- kính gửi đ/c Chinh, đ/c Song  
- Phòng QTTM

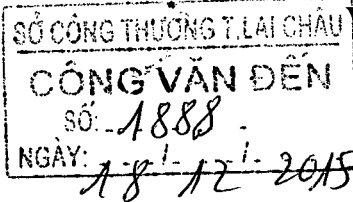
ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 38 /2015/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 11 tháng 12 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH



V/v ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện  
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 3/12/2004;

Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 763/TTr-SCT ngày 16/11/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành quy định quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ xúc tiến thương mại bằng nguồn vốn Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, CV các khối, TT. Tin học và Công báo;
- Báo Lai Châu, Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Ngọc An**

Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2015

## QUY CHẾ

### Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **38** /2015/QĐ-UBND  
ngày **M** tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Lai Châu)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Lai Châu (sau đây gọi tắt là Chương trình);

Quy chế này áp dụng đối với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình; các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình; cơ quan quản lý Chương trình; cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Xúc tiến thương mại là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ, bao gồm các hoạt động khuyến mại, quảng cáo thương mại, trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ và hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Đề án xúc tiến thương mại là Đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động xúc tiến thương mại; có mục tiêu, đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian và kinh phí xác định.

3. Chương trình xúc tiến thương mại là tập hợp các Đề án xúc tiến thương mại được xây dựng theo định hướng phát triển hàng hóa phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí.

#### **Điều 3. Mục tiêu Chương trình xúc tiến thương mại**

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa thế mạnh của tỉnh để tiêu thụ trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

2. Nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển thương mại nông thôn miền núi, biên giới, vùng sâu vùng xa và vùng đồng bào các dân tộc, góp phần xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

4. Gắn kết các hoạt động khuyến công, khuyến nông, xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

5. Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

#### **Điều 4. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình gồm: Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh Lai Châu có Đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và tiêu chí quy định tại Quy chế này và được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Có tư cách pháp nhân;

b. Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại các mặt hàng thế mạnh của tỉnh; có năng lực, kinh nghiệm trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại; có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình.

c. Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 5. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình bao gồm: Các tổ chức xúc tiến thương mại, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được thụ hưởng các dịch vụ, hỗ trợ kinh phí từ Chương trình theo quy định tại Quy chế này thông qua đơn vị chủ trì và có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 6. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình**

UBND tỉnh giao Sở Công Thương tỉnh Lai Châu là cơ quan quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện Chương trình.

#### **Điều 7. Nguồn kinh phí, nguyên tắc hỗ trợ và quản lý kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a. Ngân sách nhà nước do UBND tỉnh giao hàng năm (Bao gồm cả nguồn giao UBND các huyện thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a của Chính phủ);

- b. Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
  - c. Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;
  - d. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:
- a. Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của Sở Công Thương. Riêng kinh phí thực hiện các nội dung xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo được giao trực tiếp cho UBND các huyện theo quy định tại Nghị quyết.
  - b. Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.
  - c. Kinh phí xúc tiến thương mại ngân sách cấp theo Chương trình Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP chỉ dùng hỗ trợ các nội dung xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP.

3. Quản lý kinh phí Chương trình

- a. Sở Công Thương chịu trách nhiệm xây dựng Chương trình, dự toán kinh phí của Chương trình và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.
- b. Sau khi có quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình, Sở Công Thương ký hợp đồng thực hiện các đề án thuộc Chương trình với các đơn vị chủ trì và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký. Riêng các đề án thực hiện nội dung xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a, Phòng Công thương các huyện ký hợp đồng thực hiện các đề án với đơn vị chủ trì và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký.
- c. Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được điều chuyển để sử dụng trong năm tiếp theo.
- d. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí của Chương trình theo quy định hiện hành.

## CHƯƠNG II

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

#### Điều 8. Phạm vi và mức hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

- 1. Khai thác thông tin, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm đối với các mặt hàng chủ lực của tỉnh. Mức hỗ trợ 70% các khoản chi phí sau:

a. Chi phí mua tư liệu;

b. Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

c. Chi phí xuất bản và phát hành;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 1,5 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

2. Tuyên truyền xuất khẩu:

a. Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của tỉnh ra thị trường nước ngoài: Hỗ trợ 70% chi phí theo hợp đồng, bao gồm:

- Chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông;

- Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

b. Xây dựng và xuất bản bản tin hoạt động xuất nhập khẩu của địa phương.

Hỗ trợ 70% các khoản chi phí như sau:

- Chi phí mua tư liệu;

- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Chi phí xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này không quá 500 nghìn đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

c. Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến tỉnh Lai Châu để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Lai Châu theo hợp đồng trọn gói: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng).

3. Thuê chuyên gia tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài, chi phí gồm:

a. Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành;

b. Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí gồm: Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này không quá 2 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu:

a. Hỗ trợ 50% chi phí đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất;

b. Hỗ trợ 100% chi phí đối với đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại, các cơ quan nhà nước tỉnh.

Các khoản chi tại Khoản 4 Điều này gồm: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

5. Tổ chức đón tiếp đoàn đại biểu, doanh nghiệp nước ngoài đến tỉnh Lai Châu khảo sát, tìm hiểu cơ hội hợp tác, liên doanh, liên kết, sản xuất, kinh doanh hàng hóa với các doanh nghiệp của địa phương. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

a. Chi phí đón tiếp đoàn đại biểu, doanh nghiệp nước ngoài: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

b. Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình: Định mức chi áp dụng theo Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c. Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

d. Các khoản chi phí khác (nếu có).

6. Tổ chức Đoàn giao dịch, xúc tiến thương mại tại nước ngoài:

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí như sau:

- Chi phí phương tiện đi lại cho các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình;

- Tổ chức Hội thảo, giao thương: Thuê Hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;

- Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình: Định mức áp dụng theo Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ

công tác phí cho cán bộ công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

7. Chi hỗ trợ “Tổ chức và tham gia hội chợ triển lãm thương mại”:

a. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại định hướng xuất khẩu tại Lai Châu:

Hội chợ có hỗ trợ từ nguồn kinh phí thuộc Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia hoặc Chương trình Khuyến công quốc gia. Ngoài kinh phí hỗ trợ thuộc Chương trình quốc gia, ngân sách địa phương còn hỗ trợ các khoản sau:

- Hỗ trợ 100% các chi phí: lễ tân, đưa đón, ăn nghỉ, của đại biểu trong và ngoài nước dự khai mạc; Chi phí thuê gian hàng của doanh nghiệp nước ngoài;

- Hỗ trợ 50% chi phí: Thuê gian hàng của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa đặc trưng của tỉnh; thuê gian hàng của Sở Công Thương các tỉnh bạn.

b. Tham gia hội chợ triển lãm thương mại tại nước ngoài: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/01 lần tham gia.

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng hoặc chi phí thuê gian hàng tại nước ngoài;

- Trang trí chung của khu vực Lai Châu;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu diễn giả;

- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;

- Công tác phí cho cán bộ nhà nước làm công tác tổ chức và quản lý đoàn doanh nghiệp, hợp tác xã của tỉnh tham gia hội chợ tại nước ngoài (định mức chi áp dụng theo Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí);

- Các khoản chi khác (nếu có).

**Điều 9. Nội dung và mức hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước.**



1. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước để mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh; Xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu của tỉnh; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường, định hướng sản xuất kinh doanh.

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí như sau:

a. Chi phí mua tư liệu;

b. Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

c. Chi phí xuất bản và phát hành;

d. Chi phí bài viết và chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và Trung ương;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 01 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí như sau:

- Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên. Định mức áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Học phí trọn gói của khóa học.

3. Tổ chức Hội chợ triển lãm trọng điểm gắn với các sự kiện của tỉnh:

a. Hỗ trợ 100% chi phí:

- Chi phí thiết kế, tuyên truyền cổ động trực quan, tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Chi phí lễ tân, đón tiếp, ăn nghỉ của đại biểu trong và ngoài nước dự khai mạc;

- Tổ chức họp báo tại địa phương.

b. Hỗ trợ 50% chi phí cấu thành gian hàng nhưng tối đa không quá 05 triệu đồng/01 gian hàng cho các nội dung sau:

- Thiết kế trang trí tổng thể và chi tiết hội chợ;
- Dàn dựng gian hàng tiêu chuẩn;
- Trang trí tổng thể hội chợ;
- Lễ Khai mạc, bế mạc hội chợ;
- Chi phí quản lý;
- Tổ chức hội thảo thuộc Chương trình Hội chợ: Chi phí tài liệu, thuê hội trường, thiết bị.

4. Hỗ trợ các đơn vị tham gia Hội chợ thương mại trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh các mặt hàng đặc trưng của địa phương theo nguyên tắc.

- a. Mỗi đơn vị, doanh nghiệp tham gia được hỗ trợ không quá 04 gian hàng;
- b. Mức hỗ trợ cho mỗi gian hàng tham gia Hội chợ không quá 04 triệu đồng/01 gian hàng.

5. Tham gia Hội chợ tại các tỉnh trong nước

a. Hỗ trợ 100% các chi phí tham gia gian hàng chung của tỉnh do các đơn vị chủ trì và đơn vị tham gia thực hiện theo nguyên tắc:

- + Tham gia không quá 04 gian hàng/Hội chợ;
- + Nội dung hỗ trợ gồm: Kinh phí trang trí gian hàng; công tác phí tham dự hội chợ và quản lý, thuyết minh gian hàng; công tác phí đi thu mua sản phẩm, hàng mẫu trưng bày; kinh phí thuê gian hàng (nếu có); kinh phí thu mua sản phẩm, hàng mẫu trưng bày; kinh phí vận chuyển hàng hóa tham gia Hội chợ từ thành phố Lai Châu đến địa điểm tham dự hội chợ và ngược lại theo giá thuê thực tế trên thị trường.

b. Hỗ trợ 100% các chi phí: thuê gian hàng (nếu có); chi phí vận chuyển hàng hóa từ Lai Châu đến địa điểm tham dự Hội chợ và ngược lại đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh các mặt hàng đặc trưng của địa phương tự tham gia Hội chợ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/01 đơn vị/01 lần tham gia.

6. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại; Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được Nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 175 triệu đồng/01 cụm, điểm quy hoạch.

**Điều 10. Nội dung và mức hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa**

1. Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hóa qua biên giới và thương nhân tại các khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, chủ nhiệm các hợp tác xã và thương nhân vùng biên giới, miền núi vùng sâu vùng xa về công tác quản lý chợ, khu kinh tế cửa khẩu, tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, miền núi vùng sâu vùng xa tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ và của tỉnh. Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

2. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản cho khu vực nông thôn, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí gồm:

- Chi phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông.
- Chi phí sản xuất, xuất bản phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 50 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

3. Tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua cửa khẩu biên giới, tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào khu kinh tế cửa khẩu, tổ chức và phát triển hoạt động phân phối hàng Việt Nam sang Trung Quốc.

a. Đối với nội dung “Tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hoá qua các cửa khẩu biên giới”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí lập dự án đầu tư, chi phí thiết kế, chi phí các thủ tục hành chính, thẩm tra phê duyệt nhằm xây dựng bến bãi vận tải, giao nhận, tập kết hàng hoá, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu tại các cửa khẩu khu vực biên giới.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 350 triệu đồng/01 cụm, điểm quy hoạch.

b. Đối với nội dung “Tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức giao dịch: Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, đón tiếp, tài liệu, phiên dịch; các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 01 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

c. Đối với nội dung “Tổ chức và phát triển hoạt động phân phối hàng Việt sang khu vực biên giới của Trung Quốc”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí xin giấy phép chính quyền sở tại (tổ chức tại các tỉnh biên giới của Trung Quốc);

- Chi phí tổ chức bán hàng: thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;

- Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu Chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hoá.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 300 triệu đồng/01 đợt bán hàng.

### **Điều 11. Nội dung và mức hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a**

Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a thực hiện theo các Quy định tại Quy chế này, trừ các nội dung quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 8; Khoản 3, Điều 9; Khoản 3 Điều 10.

**Điều 12.** Các Chương trình xúc tiến thương mại khác phát sinh theo yêu cầu thực tế do UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở áp dụng theo các quy định hiện hành.

## **Chương III**

### **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **Điều 13. Trình tự lập, xây dựng Đề án xúc tiến thương mại**

1. Hàng năm căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, tiêu chí và nội dung quy định tại Quy chế này, trước ngày 10 tháng 4 của năm trước năm kế hoạch, Sở Công Thương hướng dẫn các đơn vị chủ trì xây dựng Đề án xúc tiến thương mại.

2. Các Đề án xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương;

b. Phù hợp với định hướng phát triển thương mại của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong từng thời kỳ;

c. Phù hợp với nội dung được quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11 Quy chế này;

d. Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai, thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật; mang lại hiệu quả thiết thực;

d. Đối với các Đề án mà quá trình thực hiện kéo dài quá 02 năm tài chính, đơn vị chủ trì Đề án xúc tiến thương mại phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

#### **Điều 14. Trình tự tiếp nhận, đánh giá, thẩm định và phê duyệt Đề án**

1. Các đơn vị chủ trì quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Quy chế này nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Sở Công Thương trước ngày 10 tháng 5 của năm trước năm kế hoạch.

Hồ sơ đề xuất Đề án 01 bộ gồm:

- a. Văn bản đề xuất Đề án xúc tiến thương mại.
- b. Đề án xúc tiến thương mại và dự toán kinh phí thực hiện được lập đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2, Điều 13 của Quy chế này.
- c. Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh hay quyết định công nhận, thành lập do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Sở Công Thương tiếp nhận và thẩm định, lựa chọn các Đề án đạt yêu cầu tổng hợp thành Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh. Trước ngày 10 tháng 6, Sở Công Thương gửi Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại cho năm tiếp theo của tỉnh.

Sở Tài chính thẩm định và thông báo kết quả thẩm định cho Sở Công Thương, trước ngày 20 tháng 6.

3. Căn cứ kết quả thẩm định dự toán kinh phí của Sở Tài chính, trước ngày 30 tháng 6, Sở Công Thương tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại của năm trước năm kế hoạch.

Hồ sơ trình phê duyệt 01 bộ gồm:

- a. Tờ trình đề nghị phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Lai Châu.
- b. Dự thảo Quyết định phê duyệt và Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Lai Châu.

4. Sau khi có quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình, Sở Công Thương thông báo danh mục các Đề án xúc tiến thương mại nằm trong Chương trình và gửi đến các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình qua đường bưu điện.

#### **Điều 15. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện Đề án**

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện đề án đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì phải kịp thời có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương.

2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung Đề án cho phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị chủ trì, Sở Công Thương tổng hợp, báo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trường hợp đơn vị có Đề án xúc tiến thương mại không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ Đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung Đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện Đề án.

4. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện Đề án, Sở Công Thương thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có) để bổ sung cho các Đề án đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí hoặc các Đề án mới.

### **Điều 16. Thanh quyết toán kinh phí**

1. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình thực hiện và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo từng Đề án xúc tiến thương mại đã được phê duyệt và tổng hợp báo cáo Sở Công Thương (Đối với các Đề án thực hiện nội dung xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a, đơn vị chủ trì thực hiện Đề án báo cáo Quyết toán về Phòng Công thương)

2. Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp quyết toán của Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình thành quyết toán chung từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh Lai Châu (trừ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a) gửi Sở Tài chính theo quy định hiện hành.

4. Phòng Công thương thực hiện việc Quyết toán nguồn kinh phí xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 30a.

5. Sở Tài chính thẩm định, hướng dẫn thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 17. Phân công trách nhiệm thực hiện**

##### **1. Sở Công Thương**

- a. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.
- b. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh theo đúng quy định;
- c. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật;

d. Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh những vấn đề phát sinh ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền;

e. Tổng kết việc thực hiện Quy chế, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế.

## 2. Sở Tài chính

a. Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối nguồn ngân sách địa phương để bố trí kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh.

b. Thẩm định mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh do Sở Công Thương tổng hợp; kiểm tra, giám sát công tác quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm theo quy định.

## 3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có liên quan

Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tham gia vào các Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

## 4. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

a. Tổ chức thực hiện các Đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

b. Thông báo mời các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong Đề án. Đối với Đề án có nhiều đơn vị tham gia Chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của Đề án.

c. Báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Sở Công Thương và UBND huyện, thành phố nơi tổ chức thực hiện trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc Đề án, đồng thời thông báo cho các đơn vị tham gia Đề án thực hiện các báo cáo liên quan.

d. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Đề án; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền đối với việc thực hiện các Đề án của đơn vị chủ trì.

## 5. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

Thực hiện có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại theo Đề án đã được phê duyệt. Phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến việc triển khai Đề án và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 18. Xử lý vi phạm**

1. Đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia không thực hiện thành, quyết toán kinh phí hỗ trợ sẽ không được xem xét các Đề án trong các năm tiếp theo.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Sửa đổi bổ sung**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc văn bản quy định của Trung ương liên quan có sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đỗ Ngọc An